

TS. Hoàng Văn Mạnh
Trường Đại học Thương mại

(Quanlynhanuoc.vn) – Trong bối cảnh ngành nông nghiệp vẫn còn mang nặng đặc trưng của các hộ nông dân quy mô nhỏ lẻ và manh mún, với khả năng tiếp cận thị trường cũng như năng lực đáp ứng một cách nhất quán các yêu cầu về chất lượng và truy xuất nguồn gốc còn hạn chế, các hợp tác xã nông nghiệp đóng vai trò là thiết chế trung gian quan trọng để tổ chức lại sản xuất và thúc đẩy sự liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp. Sau khi làm rõ các khái niệm về hợp tác xã nông nghiệp, chuỗi giá trị nông nghiệp và mối quan hệ giữa hai khái niệm này, bài viết phân tích các vai trò chính của hợp tác xã, bao gồm: kết nối nông dân với doanh nghiệp; tổ chức sản xuất trên cơ sở tập thể và phát triển các vùng nguyên liệu; cung ứng đầu vào và hỗ trợ kỹ thuật; chuẩn hóa sản xuất và nâng cao mức độ tuân thủ các yêu cầu của chuỗi giá trị; tạo điều kiện cho nông dân dịch chuyển sang các phân khúc có giá trị gia tăng cao hơn và tăng cường sức mạnh thương lượng cho nông dân trong các giao dịch thị trường. Từ đó, đề xuất định hướng chính sách coi việc phát triển các hợp tác xã nông nghiệp như những thiết chế điều phối chuỗi giá trị, thay vì chỉ đơn thuần là các đơn vị tổ chức thuộc khu vực kinh tế tập thể

Từ khóa: Hợp tác xã nông nghiệp; chuỗi giá trị nông sản; liên kết sản xuất; nông hộ; thị trường.

Abstract: In the context of an agricultural sector still largely characterized by small-scale and fragmented farm households, with limited capacity for market access and for consistently meeting quality and traceability requirements, agricultural cooperatives serve as important intermediary institutions for reorganizing production and facilitating linkages between farmers and enterprises. After clarifying the concepts of agricultural cooperatives, agricultural value chains, and the relationship between these two concepts, the article analyzes the main roles of cooperatives, including linking farmers with enterprises; organizing production on a collective basis and developing raw-material production zones; supplying inputs and providing technical support; standardizing production and improving compliance with value chain requirements; enabling farmers to move into higher value-added segments; and strengthening farmers' bargaining power in market transactions. On this basis, the article suggests a policy orientation that views the development of agricultural cooperatives as institutions for value chain coordination, rather than merely as organizational units within the collective economic sector.

Keywords: Agricultural cooperatives, agricultural value chains, production linkages, farm households, market.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, tái cơ cấu nông nghiệp ở Việt Nam ngày càng gắn chặt với yêu cầu nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và tăng cường liên kết giữa sản xuất với thị trường. Tuy nhiên, một trở ngại lớn của nông nghiệp Việt Nam vẫn là sản xuất chủ yếu dựa trên các hộ quy mô nhỏ, đất đai phân tán, khả năng phối hợp thấp và mức độ đáp ứng các yêu cầu của thị trường còn hạn chế. Trong điều kiện đó, việc hình thành các chuỗi giá trị nông sản có tổ chức, ổn định và có khả năng tạo giá trị gia tăng cao cho người sản xuất không chỉ phụ thuộc vào doanh nghiệp hay thị trường đầu ra, mà còn phụ thuộc vào sự tồn tại của những thiết chế trung gian đủ năng lực tổ chức sản xuất và điều phối liên kết giữa các tác nhân.

Hợp tác xã nông nghiệp là một trong những thiết chế có ý nghĩa như vậy. Không chỉ dừng lại ở vai trò tập hợp nông dân, hợp tác xã còn có khả năng hỗ trợ tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ đầu vào, tiếp nhận và chuyển giao kỹ thuật, chuẩn hóa quy trình sản xuất, thu gom sản phẩm và đại diện cho thành viên trong quan hệ với doanh nghiệp. Xét từ góc độ chuỗi giá trị, những chức năng này cho thấy hợp tác xã có thể trở thành mắt xích trung gian quan trọng trong việc giảm tính phân tán của sản xuất nông hộ, nâng cao mức độ phối hợp giữa các tác nhân và tạo điều kiện để nông dân tham gia sâu hơn vào thị trường.

Trong bối cảnh đó, việc phân tích vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Về lý luận, đây là cơ sở để làm rõ hơn mối quan hệ giữa kinh tế tập thể và tổ chức thị trường trong nông nghiệp hiện đại. Về thực tiễn, đây là căn cứ để đề xuất các định hướng chính sách phù hợp nhằm phát huy vai trò của hợp tác xã trong liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản và nâng cao vị thế của nông dân trong quan hệ thị trường, phù hợp với định hướng đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể ở Việt Nam. Từ cách tiếp cận đó, bài viết tập trung làm rõ các khái niệm nền tảng, phân tích các vai trò chủ yếu của hợp tác xã trong chuỗi giá trị nông sản và đề xuất một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

2. Hợp tác xã nông nghiệp và chuỗi giá trị nông sản

Hợp tác xã là một hình thức tổ chức kinh tế được hình thành trên cơ sở liên kết tự nguyện giữa các thành viên nhằm đáp ứng nhu cầu chung thông qua cơ chế đồng sở hữu và quản trị dân chủ. Theo Tuyên ngôn của Liên minh Hợp tác xã Quốc tế năm 1995, hợp tác xã là một hiệp hội tự chủ của những người tự nguyện liên kết với nhau để đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng kinh tế, xã hội và văn hóa chung thông qua một doanh nghiệp đồng sở hữu và được kiểm soát dân chủ. Cách tiếp cận này cho thấy hợp tác xã có ba đặc trưng cơ bản, được hình thành trên cơ sở tự nguyện; vận hành theo nguyên tắc đồng sở hữu và được quản trị theo cơ chế dân chủ.

Luật Hợp tác xã năm 2023 xác định hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, có tư cách pháp nhân, do thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý. Từ cách tiếp cận này có thể thấy, hợp tác xã không chỉ là một đơn vị sản xuất, kinh doanh mà còn là một cơ chế tổ chức cho phép các chủ thể quy mô nhỏ phối hợp nguồn lực, chia sẻ chi phí và thực hiện các hoạt động kinh tế theo phương thức tập thể.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, hợp tác xã có ý nghĩa đặc biệt quan trọng do sản xuất thường gắn với nông hộ quy mô nhỏ, mức độ phân tán cao và năng lực tiếp cận thị trường không đồng đều. Từ góc độ kinh tế tổ chức, hợp tác xã nông nghiệp có thể được xem là một thiết chế trung gian nhằm xử lý những hạn chế phổ biến của sản xuất nông hộ, như quy mô giao dịch nhỏ, chi phí tiếp cận thị trường cao, khả năng thương lượng thấp và khó đáp ứng đồng bộ các yêu cầu về chất lượng sản phẩm. Trong điều kiện đó, hợp tác xã thực hiện các chức năng như tập hợp thành viên, tổ chức sản xuất, cung ứng đầu vào, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật, thu gom sản phẩm và đại diện cho thành viên trong quan hệ với doanh nghiệp và thị trường.

Chuỗi giá trị là một khái niệm có ý nghĩa nền tảng trong nghiên cứu kinh tế và quản trị hiện đại. Theo Porter (1985), chuỗi giá trị là hệ thống các hoạt động có liên kết với nhau mà thông qua đó giá trị được tạo ra và lợi thế cạnh tranh được hình thành. Khi vận dụng vào lĩnh vực nông nghiệp, cách tiếp cận này được mở rộng theo hướng xem chuỗi giá trị là tập hợp các tác nhân và các hoạt động kết nối từ khâu sản xuất đến tiêu dùng cuối cùng, trong đó sản phẩm được gia tăng giá trị qua từng công đoạn. Như vậy, chuỗi giá trị nông sản không chỉ là sự nối tiếp của các khâu sản xuất, thu gom, chế biến, phân phối và tiêu dùng, mà còn là một cấu trúc liên kết kinh tế – tổ chức giữa các chủ thể cùng tham gia vào quá trình tạo ra và phân phối giá trị.

Trong thực tiễn nghiên cứu, chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng là hai khái niệm có liên quan nhưng không đồng nhất. Chuỗi giá trị nhấn mạnh quá trình tạo lập và gia tăng giá trị thông qua sự phối hợp giữa các tác nhân trong từng công đoạn. Trong khi đó, chuỗi cung ứng chủ yếu nhấn mạnh dòng vận động của hàng hóa, dịch vụ, thông tin và các nguồn lực từ đầu vào đến khách hàng cuối cùng. Nói cách khác, nếu chuỗi cung ứng quan tâm nhiều đến tổ chức dòng lưu chuyển sản phẩm, thì chuỗi giá trị nhấn mạnh hơn đến cách thức giá trị được tạo ra, phân bổ và nâng lên trong toàn bộ quá trình.

Đối với nông nghiệp, cách tiếp cận chuỗi giá trị có ý nghĩa đặc biệt vì nó cho phép nhìn nhận nông sản không chỉ như kết quả của hoạt động sản xuất sơ cấp, mà là sản phẩm của một quá trình phối hợp giữa nhiều chủ thể. Giá trị của nông sản được hình thành và gia tăng không chỉ ở khâu sản xuất mà còn ở các khâu sau thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến, đóng gói, logistics, marketing và phân phối. Do

đó, mức độ tham gia của nông dân vào chuỗi giá trị không chỉ thể hiện ở việc bán được sản phẩm, mà còn ở khả năng tham gia vào những phân đoạn có giá trị gia tăng cao hơn và giữ lại được phần lợi ích lớn hơn trong quan hệ thị trường.

Hợp tác xã nông nghiệp và chuỗi giá trị nông sản có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ. Một mặt, sự phát triển của chuỗi giá trị đòi hỏi mức độ phối hợp ngày càng cao giữa các tác nhân về chất lượng sản phẩm, số lượng cung ứng, thời gian giao hàng, truy xuất nguồn gốc và tổ chức giao dịch. Mặt khác, nông hộ quy mô nhỏ thường khó có khả năng tự mình đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đó nếu thiếu một cơ chế phối hợp phù hợp. Trong bối cảnh này, hợp tác xã nông nghiệp có thể được xem là một chủ thể trung gian giúp liên kết các hộ sản xuất với các chủ thể khác trong chuỗi, đồng thời hỗ trợ điều phối những hoạt động mà từng hộ riêng lẻ khó thực hiện hiệu quả.

Xét từ góc độ chuỗi giá trị, hợp tác xã không chỉ là tổ chức kinh tế của thành viên mà còn là một thiết chế hỗ trợ giảm chi phí giao dịch, tăng mức độ phối hợp trong sản xuất và nâng cao khả năng đáp ứng các yêu cầu của thị trường. Thông qua việc tập hợp nông dân, tổ chức vùng sản xuất, cung ứng dịch vụ đầu vào, hỗ trợ kỹ thuật, thu gom sản phẩm và đại diện trong giao dịch với doanh nghiệp, hợp tác xã góp phần làm cho sự tham gia của nông dân vào chuỗi giá trị trở nên ổn định và có tổ chức hơn. Chính vì vậy, trong điều kiện nông nghiệp quy mô nhỏ còn phổ biến ở Việt Nam, hợp tác xã có thể được xem là một mắt xích trung gian quan trọng trong quá trình nâng cao giá trị gia tăng và tăng cường liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ nông sản.

3. Vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản

Trong chuỗi giá trị nông sản, hợp tác xã nông nghiệp là một thiết chế trung gian có khả năng kết nối các hộ sản xuất nhỏ với các chủ thể khác trong chuỗi, đồng thời hỗ trợ điều phối những hoạt động mà từng hộ riêng lẻ khó thực hiện hiệu quả. Khác với cách tiếp cận chỉ xem hợp tác xã như một hình thức liên kết nông dân, nhiều nghiên cứu cho thấy, hợp tác xã còn có vai trò trong điều phối chuỗi giá trị, nhất là trong bối cảnh chuỗi đòi hỏi mức độ phối hợp cao hơn về chất lượng, logistics, hợp đồng và tổ chức giao dịch.

Ở Việt Nam, vai trò này càng trở nên quan trọng do sản xuất nông nghiệp vẫn chủ yếu dựa trên các hộ quy mô nhỏ, mức độ phân tán cao và quan hệ thị trường giữa nông dân với doanh nghiệp thường thiếu tính ổn định. Trong điều kiện đó, hợp tác xã có ý nghĩa như một cơ chế tổ chức giúp giảm bớt sự rời rạc của sản xuất theo kiểu hộ gia đình, tăng cường năng lực phối hợp giữa các chủ thể và tạo nền tảng để nông dân tham gia vào các mối liên kết có cấu trúc hơn trong chuỗi giá trị nông sản.

3.1. Hợp tác xã là đầu mối liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp

Hợp tác xã có vai trò là đầu mối liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản. Trong điều kiện sản xuất quy mô nhỏ, việc doanh nghiệp giao dịch trực tiếp với từng hộ thường làm phát sinh chi phí giao dịch lớn, gây khó khăn cho việc kiểm soát chất lượng, số lượng và tiến độ giao hàng. Thông qua việc tập hợp sản lượng, đại diện cho các hộ thành viên và hỗ trợ tổ chức giao dịch theo nhóm, hợp tác xã góp phần chuyển các giao dịch phân tán thành giao dịch tập thể, từ đó tạo điều kiện cho các hình thức phối hợp dọc như hợp đồng cung ứng đầu vào, hợp đồng bao tiêu sản phẩm và các cơ chế liên kết sản xuất – tiêu thụ có kế hoạch.

Trong bối cảnh Việt Nam, vai trò này được phản ánh khá rõ qua các mô hình liên kết nông dân – doanh nghiệp thông qua hợp tác xã. Nghiên cứu về chuỗi khoai tây tại Quảng Ninh cho thấy, doanh nghiệp ký hợp đồng với hợp tác xã theo từng vụ sản xuất, trong đó quy định cụ thể về số lượng, chất lượng, thời gian giao hàng, phương thức thanh toán và trách nhiệm của các bên. Trong mô hình này, hợp tác xã không chỉ là tổ chức đại diện nông hộ mà còn là đầu mối giúp doanh nghiệp triển khai quan hệ hợp đồng tới các hộ sản xuất, nhờ đó làm cho liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp ổn định và có tổ chức hơn so với giao dịch riêng lẻ. Điều này cho thấy, xét từ góc độ chuỗi giá trị, hợp tác xã có vai trò làm cầu nối giữa sản xuất hộ với thị trường có tổ chức.

3.2. Hợp tác xã tổ chức sản xuất theo hướng tập thể và góp phần hình thành vùng nguyên liệu

Hợp tác xã là thiết chế giúp tổ chức sản xuất theo hướng tập thể và tạo nền tảng cho hình thành vùng nguyên liệu. Về phương diện chung, hợp tác xã giúp chuyển các hộ sản xuất phân tán thành một cấu trúc phối hợp có mức độ liên kết cao hơn, qua đó hỗ trợ đồng bộ hóa một số yếu tố cơ bản như quy mô cung ứng, quy trình kỹ thuật và mức độ đồng nhất của sản phẩm. Khi chức năng này được thực hiện hiệu quả, khả năng hình thành nguồn cung tương đối ổn định cho các khâu tiếp theo của chuỗi như thu gom, sơ chế, chế biến và tiêu thụ được nâng lên, từ đó giảm tính phân tán của nguồn cung và hỗ trợ điều phối chuỗi giá trị ở cấp độ cao hơn.

Đối với Việt Nam, ý nghĩa của chức năng này đặc biệt lớn vì tình trạng manh mún đất đai và quy mô sản xuất nhỏ vẫn là đặc điểm phổ biến của nông nghiệp hộ. Chính vì vậy, việc hợp tác xã tập hợp nông dân theo một cơ chế phối hợp chung không chỉ có ý nghĩa về mặt tổ chức xã hội mà còn là điều kiện kinh tế cần thiết để hình thành nguồn cung đủ lớn, tương đối đồng đều và có khả năng đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp thu mua, chế biến hoặc phân phối. Trường hợp liên kết khoai tây ở Quảng Ninh cho thấy, khi nông hộ tham gia thông qua hợp tác xã, quan hệ với doanh nghiệp được tổ chức theo hướng ổn định hơn, từ đó tạo nền tảng cho việc phát triển vùng cung ứng nguyên liệu gắn với đầu ra có hợp đồng.

3.3. Hợp tác xã cung ứng đầu vào và hỗ trợ kỹ thuật cho thành viên

Hợp tác xã là kênh cung ứng dịch vụ đầu vào và hỗ trợ kỹ thuật cho thành viên trong chuỗi giá trị. Ở cấp độ chung, hợp tác xã có thể cung ứng giống, vật tư, thông tin kỹ thuật và một số dịch vụ phục vụ tổ chức sản xuất, qua đó góp phần làm giảm sự chênh lệch về điều kiện sản xuất giữa các hộ và tạo nền tảng để sản phẩm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu kỹ thuật ở các khâu tiếp theo của chuỗi. Khi hợp tác xã đảm nhiệm vai trò này, chuỗi giá trị không còn chỉ là quan hệ trao đổi đầu ra mà trở thành một cơ chế phối hợp, trong đó đầu vào, quy trình kỹ thuật và đầu ra được tổ chức theo hướng liên kết chặt chẽ hơn.

Trong bối cảnh Việt Nam, vai trò này được thể hiện khá rõ trong các mô hình liên kết sản xuất với doanh nghiệp. Doanh nghiệp liên kết với nông hộ thông qua hợp tác xã để cung ứng giống, hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức tập huấn và thu mua sản phẩm. Bên cạnh đó, một số hợp tác xã tham gia cung ứng đầu vào, hỗ trợ kỹ thuật và tổ chức các giải pháp truy xuất nguồn gốc nhằm bảo đảm chất lượng sản xuất của thành viên; tham gia vào việc tổ chức các điều kiện sản xuất đầu vào, qua đó làm cho liên kết chuỗi trở nên chặt chẽ hơn ngay từ khâu sản xuất ban đầu.

3.4. Hợp tác xã góp phần chuẩn hóa sản xuất và nâng cao mức độ tuân thủ yêu cầu của chuỗi

Hợp tác xã góp phần chuẩn hóa sản xuất và nâng cao mức độ tuân thủ đối với các yêu cầu của chuỗi giá trị. Trong phân tích chuỗi giá trị, khả năng bảo đảm tính đồng nhất của sản phẩm và duy trì mức độ tuân thủ các yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật và truy xuất nguồn gốc là điều kiện quan trọng để sản phẩm tiếp cận các phân khúc thị trường có yêu cầu cao. Trong bối cảnh đó, hợp tác xã có thể được xem là một thiết chế trung gian giúp tổ chức sản xuất theo quy tắc chung, hỗ trợ giám sát việc thực hiện và duy trì mức độ tuân thủ tương đối đồng bộ giữa các thành viên. Các nghiên cứu về chuỗi giá trị nông sản cho thấy hành động tập thể và các tổ chức của người sản xuất có thể giúp nông hộ đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về an toàn thực phẩm, chất lượng và truy xuất nguồn gốc, từ đó nâng cao khả năng tham gia vào các thị trường có giá trị cao hơn.

Trong trường hợp Việt Nam, ý nghĩa của vai trò này càng rõ khi thị trường nông sản ngày càng gắn với các yêu cầu về an toàn thực phẩm, minh bạch thông tin và truy xuất nguồn gốc, đặc biệt đối với rau quả và các sản phẩm phục vụ đô thị hoặc xuất khẩu. Chẳng hạn như, các hợp tác xã nông nghiệp trong chuỗi rau quả ở Việt Nam có vai trò trong việc tổ chức truy xuất nguồn gốc, hỗ trợ kỹ thuật và phối hợp sản xuất nhằm nâng cao tính minh bạch của sản phẩm. Như vậy, trong bối cảnh Việt Nam, hợp tác xã không chỉ góp phần giảm biến động chất lượng đầu ra giữa các hộ mà còn là cơ chế giúp nông dân từng bước thích ứng với các tiêu chuẩn thị trường ngày càng khắt khe hơn.

3.5. Hợp tác xã tạo điều kiện để nông dân tham gia sâu hơn vào các phân đoạn có giá trị gia tăng cao

Hợp tác xã tạo điều kiện để nông dân tham gia sâu hơn vào các phân đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi nông sản. Về mặt phân tích, tham gia chuỗi giá trị không chỉ dừng ở khâu cung ứng nguyên liệu mà còn mở rộng sang các hoạt động như sơ chế, bảo quản, đóng gói, vận chuyển, phân phối và xây dựng thương hiệu sản phẩm. Trong bối cảnh đó, hợp tác xã có thể được xem là một thiết chế trung gian quan trọng, giúp nông dân tham gia sâu hơn vào các phân đoạn này thông qua việc tập hợp nguồn lực, tổ chức dịch vụ chung và điều phối những hoạt động đòi hỏi mức đầu tư vượt quá khả năng của từng hộ riêng lẻ.

Đối với Việt Nam, các hợp tác xã tham gia chuỗi giá trị không chỉ tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng mà còn có nhu cầu đầu tư vào kho lạnh, phương tiện vận chuyển, kho bãi và bao bì sản phẩm. Báo cáo này cũng cho thấy một số chuỗi có hợp tác xã tham gia được tổ chức theo hướng gắn với nhu cầu thị trường và liên kết với doanh nghiệp trong cung ứng đầu vào hoặc hỗ trợ thanh toán trước theo hợp đồng. Điều đó cho thấy ở Việt Nam, hợp tác xã nông nghiệp đang có xu hướng vượt ra ngoài vai trò cung ứng nguyên liệu đơn thuần để từng bước gắn với các chức năng hậu cần, thương mại và tổ chức giá trị gia tăng trong chuỗi nông sản.

3.6. Hợp tác xã góp phần nâng cao năng lực thương lượng và vị thế của nông dân trong chuỗi giá trị

Hợp tác xã góp phần nâng cao năng lực thương lượng và vị thế của nông dân trong chuỗi giá trị. Trong bối cảnh các hộ sản xuất nhỏ thường có quy mô hàng hóa phân tán, thông tin thị trường hạn chế và chi phí giao dịch cao, vị thế của họ trong đàm phán giá cả, điều kiện thu mua và phân chia lợi ích thường ở mức thấp. Thông qua việc tập hợp sản lượng, giảm chi phí giao dịch và cải thiện khả năng tiếp cận thị trường, hợp tác xã góp phần củng cố năng lực thương lượng của nông dân trong quan hệ với người mua và các tác nhân có ưu thế hơn trong chuỗi giá trị. Bên cạnh đó, bằng chứng thực nghiệm còn cho thấy các hợp tác xã tiếp thị có thể giúp nông dân tiếp cận mức giá bán cạnh tranh hơn, qua đó cải thiện vị thế của họ trong chuỗi giá trị nông sản.

Trong bối cảnh Việt Nam, qua việc nông dân tham gia liên kết với doanh nghiệp thông qua hợp tác xã thường tiếp cận đầu vào thuận lợi hơn, có đầu ra ổn định hơn và tham gia vào những điều kiện giao dịch rõ ràng hơn so với tiêu thụ tự do qua thương lái. Với tư cách thành viên hợp tác xã là một trong những yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến quyết định tham gia liên kết của nông hộ cho thấy, hợp tác xã không chỉ góp phần tăng năng lực thương lượng theo nghĩa kinh tế mà còn mở rộng khả năng tham gia của nông dân vào các quan hệ thị trường có tổ chức hơn, qua đó củng cố vị thế của họ trong chuỗi giá trị.

Vai trò của hợp tác xã trong chuỗi giá trị nông sản không chỉ giới hạn ở chức năng tập hợp nông hộ mà còn mở rộng sang các phương diện tổ chức sản xuất, liên kết thị trường, hỗ trợ kỹ thuật, chuẩn hóa chất lượng, điều phối logistics

và nâng cao vị thế thương lượng của nông dân. Trong điều kiện nông nghiệp quy mô nhỏ còn phổ biến ở Việt Nam, các vai trò này càng trở nên quan trọng vì chúng góp phần giảm tính phân tán của sản xuất, tăng mức độ phối hợp giữa các tác nhân và tạo điều kiện để nông dân tham gia sâu hơn vào các cấu trúc giá trị có tổ chức hơn. Vì vậy, xét từ góc độ chuỗi giá trị, hợp tác xã không chỉ là tổ chức kinh tế của thành viên mà còn là một cơ chế trung gian quan trọng trong việc nâng cao mức độ tham gia thị trường, khả năng tuân thủ yêu cầu của chuỗi và khả năng giữ lại giá trị của nông dân trong chuỗi nông sản ở Việt Nam.

4. Hàm ý chính sách đối với việc phát huy vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản

4.1. Hoàn thiện cơ chế để hợp tác xã thực hiện vai trò kết nối giữa nông dân với doanh nghiệp

Nhà nước cần ưu tiên các chính sách giúp hợp tác xã trở thành đầu mối giao dịch đáng tin cậy, như: hỗ trợ chuẩn hóa hợp đồng liên kết; nâng cao năng lực pháp lý của hợp tác xã; tư vấn thương thảo hợp đồng và thiết lập cơ chế giải quyết tranh chấp phù hợp với đặc thù sản xuất nông nghiệp. Trọng tâm ở đây không chỉ là khuyến khích liên kết chung chung, mà là tạo điều kiện để hợp tác xã thực sự làm tốt vai trò trung gian giữa hộ sản xuất với doanh nghiệp trong một quan hệ thị trường có cấu trúc và ổn định hơn. Kinh nghiệm thực tế ở Việt Nam cho thấy, khi doanh nghiệp ký kết thông qua hợp tác xã, các điều kiện giao dịch có xu hướng rõ ràng và dễ tổ chức hơn so với mô hình giao dịch trực tiếp với từng hộ riêng lẻ. Vì vậy, hoàn thiện cơ chế liên kết thông qua hợp tác xã cần được xem là một nội dung trọng tâm của chính sách phát triển chuỗi giá trị nông sản.

4.2. Hỗ trợ hợp tác xã tổ chức sản xuất tập thể và hình thành vùng nguyên liệu

Trong bối cảnh nông nghiệp Việt Nam vẫn bị chi phối bởi quy mô hộ nhỏ và tính manh mún về đất đai, việc bảo đảm nguồn cung ổn định, tương đối đồng nhất về chất lượng và có khả năng giao hàng đúng thời điểm là một thách thức lớn đối với cả nông dân và doanh nghiệp. Hợp tác xã có thể góp phần giải quyết vấn đề này thông qua việc tập hợp các hộ thành viên vào một cơ chế phối hợp chung, từ đó làm tăng quy mô cung ứng và giảm mức độ phân tán của sản xuất. Vì vậy, chính sách không nên chỉ dừng ở hỗ trợ từng hộ đơn lẻ, mà cần ưu tiên các công cụ giúp hợp tác xã tổ chức vùng nguyên liệu theo ngành hàng, theo địa bàn và theo yêu cầu của doanh nghiệp liên kết. Các hỗ trợ về quy hoạch vùng trồng, cơ giới hóa dùng chung, hạ tầng phục vụ sản xuất, điều phối mùa vụ và chia sẻ dịch vụ công trong nông nghiệp sẽ phát huy hiệu quả cao hơn khi được gắn với năng lực tổ chức sản xuất tập thể của hợp tác xã. Đây cũng là điều kiện cần để nông dân quy mô nhỏ tham gia bền vững hơn vào các chuỗi giá trị có tổ chức.

4.3. Tăng cường chính sách hỗ trợ dịch vụ đầu vào, kỹ thuật và khuyến nông thông qua hợp tác xã

Chính sách cần chuyển mạnh từ hỗ trợ phân tán theo từng hộ sang hỗ trợ theo cụm thông qua hợp tác xã. Việc hỗ trợ giống, vật tư, kỹ thuật, tập huấn và cơ giới hóa nếu được thực hiện qua hợp tác xã sẽ có khả năng tạo ra mức độ đồng bộ cao hơn trong sản xuất, đồng thời giảm chênh lệch giữa các hộ thành viên về điều kiện tiếp cận dịch vụ. Đây là điều kiện quan trọng để hợp tác xã không chỉ là đầu mối tiêu thụ mà còn là chủ thể tổ chức điều kiện sản xuất trong chuỗi giá trị. Trong bối cảnh Việt Nam, một số bằng chứng thực nghiệm cho thấy hợp tác xã có thể là kênh hiệu quả để doanh nghiệp, cơ quan khuyến nông hoặc các chương trình hỗ trợ kỹ thuật tiếp cận nông dân một cách tập trung hơn. Vì vậy, các chính sách khuyến nông, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ vật tư và cơ giới hóa cần được thiết kế sao cho hợp tác xã có thể đóng vai trò thực thi và điều phối, thay vì chỉ là đơn vị thụ hưởng thụ động.

4.4. Nâng cao năng lực của hợp tác xã trong chuẩn hóa sản xuất và đáp ứng yêu cầu thị trường

Cần hỗ trợ hợp tác xã thực hiện chức năng chuẩn hóa sản xuất và tăng cường tuân thủ các yêu cầu của chuỗi giá trị. Trong bối cảnh thị trường nông sản ngày càng nhấn mạnh đến an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và sự ổn định của chất lượng, khả năng một hộ riêng lẻ tự duy trì đầy đủ các yêu cầu này thường rất hạn chế. Với tư cách là tổ chức trung gian, hợp tác xã có thể giúp xây dựng quy trình sản xuất chung, theo dõi việc thực hiện của thành viên và hỗ trợ kết nối với các hệ thống chứng nhận hoặc truy xuất nguồn gốc (Kaganzi et al., 2009; Narrod et al., 2009). Do đó, chính sách cần tập trung vào các công cụ giúp hợp tác xã tổ chức kiểm soát nội bộ, số hóa thông tin sản xuất, triển khai truy xuất nguồn gốc và nâng cao năng lực giám sát chất lượng ở cấp cơ sở. Nói cách khác, nếu muốn nông dân quy mô nhỏ tham gia được vào các phân khúc thị trường có yêu cầu cao hơn, Nhà nước cần đầu tư vào năng lực tuân thủ của hợp tác xã như một nền tảng thể chế cho toàn bộ nhóm thành viên. Trong trường hợp Việt Nam, định hướng này càng có ý nghĩa khi sản xuất nông sản đang chịu sức ép lớn từ yêu cầu minh bạch thông tin và truy xuất nguồn gốc trên thị trường trong nước và xuất khẩu (World Bank, 2022).

4.5. Hỗ trợ hợp tác xã tham gia sâu hơn vào các khâu sau thu hoạch và logistics

Cần có các hình thức hỗ trợ phù hợp về đầu tư, tín dụng và hạ tầng dùng chung, nhiều hợp tác xã sẽ khó vượt ra khỏi vai trò cung ứng nguyên liệu đơn thuần. Vì vậy, Nhà nước cần thiết kế các chương trình hỗ trợ có trọng điểm đối với các hạng mục sau thu hoạch và logistics, đồng thời khuyến khích hợp tác xã gắn các khoản đầu tư này với chiến lược phát triển sản phẩm và thị trường. Chỉ khi đó, hợp tác xã mới có thể thực sự góp phần nâng cao phần giá trị gia tăng mà nông dân giữ lại trong chuỗi.

4.6. Phát triển năng lực thương mại, thương lượng và tiếp cận thị trường của hợp tác xã

Chính sách cần chú trọng hơn đến năng lực thương mại và thương lượng của hợp tác xã. Trong nhiều trường hợp, nông dân ở vị thế yếu không chỉ vì quy mô sản xuất nhỏ mà còn vì thiếu thông tin thị trường, thiếu năng lực đàm phán và thiếu khả năng tổ chức giao dịch tập thể. Hợp tác xã có thể làm giảm những bất lợi này nếu được hỗ trợ đúng mức. Vì vậy, cần tăng cường hỗ trợ hợp tác xã trong tiếp cận thông tin thị trường, đào tạo thương thảo hợp đồng, xây dựng thương hiệu tập thể, xúc tiến thương mại và tổ chức dịch vụ tiếp thị nông sản. Cách tiếp cận này phù hợp với logic phát triển chuỗi giá trị: khi hợp tác xã tập hợp được sản lượng, làm rõ điều kiện giao dịch và hỗ trợ nông dân tham gia vào những quan hệ thị trường có tổ chức hơn, vị thế của nông dân trong chuỗi giá trị cũng được cải thiện theo. Do đó, phát triển hợp tác xã cần được xem đồng thời là một chính sách phát triển thị trường cho nông dân quy mô nhỏ trong nông nghiệp Việt Nam.

5. Kết luận

Trong bối cảnh nông nghiệp Việt Nam vẫn chủ yếu gồm các hộ sản xuất quy mô nhỏ, phân tán và hạn chế về khả năng tiếp cận thị trường, hợp tác xã nông nghiệp có vai trò quan trọng trong việc tổ chức lại sản xuất và tăng cường liên kết giữa nông dân với các tác nhân khác trong chuỗi giá trị nông sản. Từ góc độ lý luận, hợp tác xã không chỉ là một tổ chức kinh tế của thành viên mà còn là một thiết chế trung gian có chức năng điều phối, giúp giảm chi phí giao dịch, nâng cao mức độ phối hợp trong sản xuất và hỗ trợ nông dân đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Phát huy vai trò của hợp tác xã nông nghiệp không nên chỉ được nhìn nhận như một nội dung của chính sách phát triển kinh tế tập thể, mà cần được đặt trong logic phát triển chuỗi giá trị nông sản và hiện đại hóa nông nghiệp. Điều này đòi hỏi chính sách phải chuyển mạnh từ hỗ trợ sự tồn tại của hợp tác xã sang nâng cao năng lực điều phối chuỗi, tổ chức sản xuất, kiểm soát chất lượng, tham gia thị trường và gia tăng giá trị cho nông dân. Chỉ khi được hỗ trợ đúng hướng, hợp tác xã mới có thể thực sự trở thành một mắt xích trung gian quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả liên kết, tăng giá trị gia tăng và cải thiện vị thế của nông dân trong chuỗi giá trị nông sản ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022). *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới*.
2. Quốc hội (2023). *Luật hợp tác xã năm 2023*.
3. Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021–2030*.
4. Ba, H. A., de Mey, Y., Thoron, S., & Demont, M. (2019). *Inclusiveness of contract farming along the vertical coordination continuum: Evidence from the Vietnamese rice sector*. Land use policy, 87, 104050.

5. Bachke, M. E. (2019). *Do farmers' organizations enhance the welfare of smallholders? Findings from the Mozambican national agricultural survey*. *Food Policy*, 89, 101792.
6. Bijman, J., Muradian, R., & Cechin, A. (2012). *Agricultural cooperatives and value chain coordination*. In *Value chains, social inclusion and economic development* (pp. 82-101). Routledge.
7. De Brauw, A., Herskowitz, S., Ambler, K., Le, N., Truong, H., Thu, T., ... & Toth, R. (2020). *Agriculture value chain finance in Viet Nam*. *Agriculture value chain finance in Viet Nam*. Australian Centre for International Agricultural Research, Canberra, Australia.
8. Deng, H., Huang, J., Xu, Z., & Rozelle, S. (2010). *Policy support and emerging farmer professional cooperatives in rural China*. *China economic review*, 21(4), 495-507.
9. Doan, T. N. T., Bui, T. M. L., Nguyen, T. T. T., & Nguyen, T. K. O. (2024). *Linkage between farm households and enterprises in the production and selling of potato: A case study in Dong Trieu Town, Quang Ninh Province*. *Vietnam Journal of Agricultural Sciences*, 7(3), 2239–2250.
10. FAO (Food and Agriculture Organization of the United Nations) (2010). *Agricultural value chain development: Threat or opportunity for women's employment?* <https://www.fao.org/4/i2008e/i2008e04.pdf>
11. Getnet, K., Kefyalew, G., & Berhanu, W (2018). *On the power and influence of the cooperative institution: Does it secure competitive producer prices?*. *World Development Perspectives*, 9, 43-47.
12. ICA (International Cooperative Alliance) (1995). *Statement on the cooperative identity*. International Cooperative Alliance. <https://ica.coop/en/cooperatives/cooperative-identity>
13. International Fund for Agricultural Development (2016). *Toolkit: Engaging with farmers' organizations for more effective smallholder development*. IFAD.
14. Kaganzi, E., Ferris, S., Barham, J., Abenakyo, A., Sanginga, P., & Njuki, J. (2009). *Sustaining linkages to high value markets through collective action in Uganda*. *Food policy*, 34(1), 23-30.
15. Markelova, H., Meinzen-Dick, R., Hellin, J., & Dohrn, S. (2009). *Collective action for smallholder market access*. *Food Policy*, 34(1), 1–7.
16. Narrod, C., Roy, D., Okello, J., Avendaño, B., Rich, K., & Thorat, A. (2009). *Public-private partnerships and collective action in high value fruit and vegetable supply chains*. *Food Policy*, 34(1), 8-15.
17. Porter, M. E (1985). *Competitive advantage: Creating and sustaining superior performance*. Free Press.
18. World Bank (2022). *Digital technology for traceability in Vietnam's fruit and vegetable value chains*. World Bank Group.